



Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH HỆ THỐNG ĐÔ THỊ
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đô thị	Phân loại đô thị		Ghi chú
		Hiện trạng 2020	Đến năm 2030	
1	Thành phố Lạng Sơn	II	II	Dự kiến trình cấp có thẩm quyền sáp nhập huyện Cao Lộc vào thành phố Lạng Sơn theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương
2	Thị trấn Đồng Đăng	IV		
3	Thị trấn Cao Lộc	V		
4	Thị trấn Đồng Mỏ	V	IV	
5	Thị trấn Chi Lăng	V	V	
6	Đô thị Vạn Linh	-	V	
7	Thị trấn Hữu Lũng	V	IV (*)	Năm 2030, huyện Hữu Lũng đạt tiêu chuẩn đô thị loại IV
8	Đô thị Bắc Lệ - Tân Thành	-		
9	Thị trấn Na Sầm	V	V	
10	Đô thị Tân Thành	-	V	
11	Thị trấn Thất Khê	V	V	Điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng
12	Thị trấn Văn Quan	V	V	
13	Thị trấn Bình Gia	V	V	
14	Thị trấn Bắc Sơn	V	V	
15	Đô thị Ngã Hai (Vũ Lễ)	-	V	
16	Thị trấn Lộc Bình	V	IV	
17	Thị trấn Na Dương	V	V	
18	Đô thị Chi Ma (Yên Khoái)	-	V	
19	Thị trấn Đình Lập	V	V	Điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng
20	Đô thị Nông trường Thái Bình	V	V	Điều chỉnh địa giới hành chính mở rộng

Ghi chú:

- Nâng cấp huyện Hữu Lũng lên thị xã khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Phạm vi, ranh giới dự kiến của các đô thị được xác định cụ thể trong nhiệm vụ lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng vùng huyện theo quy định của pháp luật;
- Việc phân loại đô thị phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia./.



Phụ lục II

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên khu công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ghi chú
A	Các Khu công nghiệp thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ đất tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ			
I	Khu công nghiệp đã thành lập			
1	KCN Đồng Bành	Huyện Hữu Lũng và huyện Chi Lăng	162	Giữ nguyên
2	KCN VSIP Lạng Sơn	Huyện Hữu Lũng	599,76	Giữ nguyên
	Tổng cộng I		761,76	
II	Các khu công nghiệp thành lập mới khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp			
1	KCN Hòa Lạc	Huyện Hữu Lũng	223,7	Thành lập mới
2	KCN Hữu Lũng 2	Huyện Hữu Lũng	350	Thành lập mới
3	KCN Hữu Lũng 3	Huyện Hữu Lũng	175	Thành lập mới
4	KCN Hữu Lũng 4	Huyện Hữu Lũng	324	Thành lập mới
5	KCN Na Dương	Huyện Lộc Bình	220,3	Thành lập mới
	Tổng cộng II		1.293	
	Tổng cộng (I+II)		2.055	
B	Các khu công nghiệp có tiềm năng, dự kiến thành lập mới trong trường hợp được bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp			
1	KCN Hữu Lũng 5	Huyện Hữu Lũng	300	Thành lập mới
2	KCN Hữu Lũng 6	Huyện Hữu Lũng	300	Thành lập mới
3	KCN Hữu Lũng 7	Huyện Hữu Lũng	300	Thành lập mới
4	KCN Đình Lập	Huyện Đình Lập	200	Thành lập mới
5	KCN Cao Lộc	Huyện Cao Lộc	178,7	Thành lập mới
6	KCN Khánh Xuân	Huyện Lộc Bình	135	Thành lập mới
7	KCN và logistics Na Dương	Huyện Lộc Bình	436,7	Thành lập mới
8	KCN và logistics Đình Lập	Huyện Đình Lập	220	Thành lập mới
	Tổng cộng III		2.070,4	

Ghi chú:

- Tên, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các khu công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình quy hoạch xây dựng, lập, phê duyệt dự án đầu tư;
- Đối với phần diện tích quy hoạch nằm ngoài chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp được phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022, chỉ triển khai thực hiện sau khi cấp có thẩm quyền phân bổ thêm chỉ tiêu sử dụng đất khu công nghiệp./.



Phụ lục III
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CỤM CÔNG NGHIỆP
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
I	Cụm công nghiệp đã quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 đưa vào phương án phát triển giai đoạn 2021 - 2030			
1	CCN Quảng Lạc	TP. Lạng Sơn	50	Đa ngành nghề
2	CCN Hợp Thành 1	Huyện Cao Lộc	23,8	Đa ngành nghề
3	CCN Hợp Thành 2	Huyện Cao Lộc	25,47	Đa ngành nghề
4	CCN Địa phương số 2	Huyện Cao Lộc	8,5	Đa ngành nghề
5	CCN Na Dương 1	Huyện Lộc Bình	50	Đa ngành nghề
6	CCN Na Dương 2	Huyện Lộc Bình	48,4	Đa ngành nghề
7	CCN Na Dương 3	Huyện Lộc Bình	48,6	Đa ngành nghề
8	CCN Văn Lãng	Huyện Văn Lãng	47,87	Đa ngành nghề
9	CCN Bắc Sơn 2	Huyện Bắc Sơn	25	Đa ngành nghề
10	CCN Hồ Sơn 1	Huyện Hữu Lũng	73,76	Đa ngành nghề
11	CCN Hòa Sơn 1	Huyện Hữu Lũng	74,9	Đa ngành nghề
12	CCN Minh Sơn	Huyện Hữu Lũng	55	Đa ngành nghề
13	CCN phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng	70	Đa ngành nghề
14	CCN Đình Lập	Huyện Đình Lập	71,39	Đa ngành nghề
15	CCN Văn Lãng 2	Huyện Văn Lãng	39,5	Đa ngành nghề
	Tổng cộng I		712,19	
II	Cụm công nghiệp thành lập mới			
1	CCN Hồ Sơn 2	Huyện Hữu Lũng	74,9	Đa ngành nghề
2	CCN Hòa Sơn 3	Huyện Hữu Lũng	30	Đa ngành nghề
3	CCN Tân Thành 3	Huyện Hữu Lũng	50	Đa ngành nghề
4	CCN Chi Lăng	Huyện Chi Lăng	24,55	Đa ngành nghề
5	CCN Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng	66,46	Đa ngành nghề
6	CCN Lộc Bình 1 (giai đoạn 1)	Huyện Lộc Bình	36,1	Đa ngành nghề

TT	Tên cụm công nghiệp	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)	Ngành nghề hoạt động dự kiến
7	CCN Bắc Lãng	Huyện Đình Lập	73,9	Đa ngành nghề
8	CCN số 1 Kháng Chiến	Huyện Tràng Định	60	Đa ngành nghề
9	CCN Tân Văn	Huyện Bình Gia	30	Đa ngành nghề
	Tổng cộng II		445,91	
	Tổng cộng (I+II)		1.158,1	

Ghi chú:

Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các cụm công nghiệp sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.



Phụ lục IV
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC TỔ HỢP SINH THÁI, DU LỊCH,
NGHỈ DƯỠNG, VĂN HÓA THỂ THAO VÀ SÂN GÔN TỈNH LẠNG SƠN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Dự kiến địa điểm
I	Các dự án triển khai thực hiện theo chỉ tiêu phân bổ đất tại Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	
1	Quản thể khu du lịch sinh thái, cáp treo Mẫu Sơn	Các huyện: Lộc Bình, Cao Lộc
2	Khu trung tâm du lịch phía Tây Mẫu Sơn	Các huyện: Lộc Bình, Cao Lộc
3	Khu du lịch sinh thái và khu dân cư mới tại xã Hữu Liên, xã Yên Thịnh	Huyện Hữu Lũng
4	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In	Huyện Đình Lập
5	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Emer Hill	TP Lạng Sơn
6	Khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Bản Lải	Huyện Lộc Bình
7	Khu du lịch sinh thái nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp nghỉ dưỡng vườn cam, quýt	Huyện Bắc Sơn
8	Khu du lịch sinh thái Bản Khiếng	Huyện Lộc Bình
9	Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Hồ Bản Nằng	Huyện Văn Quan
10	Khu du lịch Xứ Lạng Thủy Vân Sơn	Huyện Văn Lãng
11	Sân gôn Hoàng Đồng	TP Lạng Sơn
12	Sân gôn Hữu Lũng 1	Huyện Hữu Lũng
13	Sân gôn tại chân núi Mẫu Sơn	Huyện Lộc Bình
14	Sân gôn Quảng Lạc	TP Lạng Sơn và huyện Cao Lộc
15	Sân gôn Chi Lăng 1	Huyện Chi Lăng
II	Các dự án tiềm năng, dự kiến triển khai thực hiện khi được điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	
1	Sân gôn Văn Quan	Huyện Văn Quan
2	Sân gôn Chi Lăng 2	Huyện Chi Lăng
3	Sân gôn Đình Lập 1	Huyện Đình Lập
4	Sân gôn Đình Lập 2	Huyện Đình Lập
5	Sân gôn Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn
6	Sân gôn Hữu Lũng 2	Huyện Hữu Lũng
7	Sân gôn Lộc Bình	Huyện Lộc Bình
8	Các khu, điểm du lịch cấp tỉnh	Các huyện, thành phố

Ghi chú: Tên, vị trí, quy mô, phạm vi ranh dưới, diện tích và danh mục dự án sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai thực hiện./.



Phụ lục V

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên tuyến	Điểm đầu dự kiến	Điểm cuối dự kiến	Quy mô tối thiểu dự kiến
A	Cao tốc, quốc lộ			
1	Cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn (thuộc Cao tốc Bắc Nam phía Đông CT.01)			
-	Đoạn cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Lạng Sơn) (tuyến chính 43,5 km và 2 nhánh đi Tân Thanh, Cốc Nam 16,4 km)	Cửa khẩu Hữu Nghị, huyện Cao Lộc	Xã Mai Sao, huyện Chi Lăng	CT 6 làn
-	Đoạn Chi Lăng (Lạng Sơn) - Bắc Giang	Xã Mai Sao, huyện Chi Lăng	Xã Minh Hòa, huyện Hữu Lũng (giáp tỉnh Bắc Giang)	CT 6 làn
2	Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng) (thuộc cao tốc Tiên Yên - Lạng Sơn - Cao Bằng CT.10)	Giao CT Hữu Nghị - Chi Lăng, nhánh Tân Thanh	Xã Chí Minh, huyện Tràng Định, giáp tỉnh Cao Bằng	CT 4 làn
3	Cao tốc Tiên Yên (Quảng Ninh) – Đồng Đăng (Lạng Sơn) (Thực hiện sau năm 2030; trường hợp huy động được nguồn lực, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho đầu tư trước năm 2030)	Huyện Đình Lập (giáp huyện Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh)	Huyện Cao Lộc (Giao CT Hữu Nghị - Chi Lăng)	CT 4 làn
4	QL.1	Cửa khẩu Hữu Nghị, huyện Cao Lộc	Xã Minh Sơn, huyện Hữu Lũng, giáp tỉnh Bắc Giang	cấp III, 2-4 làn
5	QL.1B	TT. Đồng Đăng, huyện Cao Lộc (giao QL.1)	Xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn, giáp tỉnh Thái Nguyên	cấp III-IV, 2-4 làn
6	QL.4A	TT. Đồng Đăng (giao QL.1B)	Xã Chí Minh, huyện Tràng Định, giáp tỉnh Cao Bằng	cấp III-IV, 2-4 làn
7	QL.4B	TP. Lạng Sơn	Xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập, giáp tỉnh Quảng Ninh	cấp III, 2-4 làn
8	QL.279	Xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng,	Xã Thiện Hòa, huyện Bình Gia,	cấp III-IV, 2-4 làn

TT	Tên tuyến	Điểm đầu dự kiến	Điểm cuối dự kiến	Quy mô tối thiểu dự kiến
		giáp tỉnh Bắc Giang	giáp tỉnh Bắc Kạn	
9	QL.31	Xã Lâm Ca, huyện Đình Lập, giáp Bắc Giang	Cửa khẩu Bản Chắt, giáp Trung Quốc	cấp III-IV, 2-4 làn
10	QL.3B	Cửa khẩu Nà Nưa, giáp Trung Quốc	Xã Tân Yên, huyện Tràng Định, giáp tỉnh Bắc Kạn	cấp III-IV, 2-4 làn
11	QL.3E (ĐT.226 cũ)	TT. Bình Gia (giao QL.1B)	TT. Thất Khê (giao QL.3B)	cấp IV, 02 làn xe
B	Đường tỉnh			
I	Đường tỉnh hiện tại			
-	ĐT.226 (Bình Gia - Thất Khê) [chuyển thành QL.3E]	TT. Bình Gia (giao QL.1B)	TT. Thất Khê (giao QL.3B)	cấp IV, 02 làn xe (chuyển thành Quốc lộ)
1	ĐT.227 (Pác Khuông - Thiện Long)	Pác Khuông, huyện Bình Gia (giao QL.279)	Nà Lù - xã Thiện Long, huyện Bình Gia (giáp tỉnh Bắc Kạn)	cấp V
2	ĐT.228 (Bản Pèn - Nà Mẩn)	Bản Pèn, huyện Văn Lãng (giao ĐT.229)	Cửa khẩu Bình Nghi, huyện Tràng Định	cấp IV
3	ĐT.229 (Lũng Vài - Bình Độ - Tân Minh)	Lũng Vài, H. Văn Lãng (giao QL.4A)	Tân Minh, huyện Tràng Định (giao ĐTTBG)	cấp IV-V
4	ĐT.230 (Na Sầm - Na Hình)	TT. Na Sầm, huyện Văn Lãng (giao QL.4A)	Cửa khẩu Na Hình, huyện Văn Lãng	cấp IV
5	ĐT.231 (Na Sầm - Văn Mịch - Hưng Đạo - Cốc Tàn)	Na Sầm, huyện Văn Lãng (giao ĐT.232)	Cốc Tàn, huyện Tràng Định (giáp tỉnh Bắc Kạn)	cấp V-VI
6	ĐT.232 (Vĩnh Lại - Na Sầm)	Vĩnh Lại, huyện Văn Quan (giao QL.1B)	Na Sầm, huyện Văn Lãng (giao QL.4A)	cấp IV-VI
7	ĐT.233 (Hoà Bình - Bình La - Gia Miễn)	Hòa Bình, huyện Văn Quan (giao QL.1B)	Gia Miễn, huyện Văn Lãng (giao ĐT.231)	cấp V
8	ĐT.234 (QL1A cũ)	TP. Lạng Sơn (giao QL.1)	Huyện Chi Lăng (giao QL.1)	cấp IV
9	ĐT.235 (Hữu Nghị - Bảo Lâm)	Cửa khẩu Hữu Nghị, huyện Cao Lộc (giao QL.1)	Bảo Lâm, huyện Cao Lộc	cấp III
10	ĐT.236 (Lộc Bình - Chi Ma)	T.T Lộc Bình (giao QL.4B)	Cửa Khẩu Chi Ma, huyện Lộc Bình	cấp III, 4 làn
11	ĐT.237 (Khuổi Khin - Bản Chắt)	Khuổi Khin, huyện Cao Lộc (giao QL.4B)	Cửa khẩu Bản Chắt, huyện Đình Lập	cấp V

TT	Tên tuyến	Điểm đầu dự kiến	Điểm cuối dự kiến	Quy mô tối thiểu dự kiến
12	ĐT.238 (Yên Trạch - Lạng Giai)	Yên Trạch, H. Cao Lộc (giao QL.1)	Lạng Giai, huyện Chí Lăng (giao QL.1)	cấp V
13	ĐT.239 (Pác Ve - Điềm He)	Pác Ve, huyện Cao Lộc (giao ĐT.234B)	Điềm He, huyện Văn Quan (giao QL.1B)	cấp VI
14	ĐT.240 (Pác Luống - Tân Thanh)	Pác Luống, huyện Văn Lăng (giao QL.4A)	Cửa Khẩu Tân Thanh, huyện Văn Lăng	cấp III
15	ĐT.241 (Bản Tăng - Mẫu Sơn - Công Sơn - Hải Yến)	Bản Tăng, huyện Lộc Bình (giao QL.4B)	Hải Yến, huyện Cao Lộc	cấp VI
16	ĐT.242 (Phố Vị - Đèo Cà)	Phố Vị, huyện Hữu Lũng (giao ĐT.245)	Đèo Cà, huyện Hữu Lũng (giáp tỉnh Bắc Giang)	cấp III
17	ĐT.243 (Gốc Me - Hữu Liên - Mỏ Nhài - Tam Canh)	Gốc Me, huyện Hữu Lũng (giao QL1A)	Tam Canh, huyện Bắc Sơn (giao QL.1B)	cấp IV-V
18	ĐT.244 (Minh Lễ - Quyết Thắng)	Minh Lễ, huyện Hữu Lũng, (giao ĐT.242)	Hang Cáo, xã Quyết Thắng, huyện Hữu Lũng	cấp III
19	ĐT.245 (Hoà Thắng - Phố Vị - Hoà Sơn - Hoà Lạc)	Trại Gạo, huyện Hữu Lũng (giáp tỉnh Bắc Giang)	Hòa Lạc, huyện Hữu Lũng (giao QL.1)	cấp III
20	ĐT.246 (Bính Xá - Bắc Xa)	Bính Xá, huyện Đình Lập (giao QL.31)	Bản Mạ, huyện Đình Lập	cấp VI-V
21	ĐT.248 (Na Dương - Xuân Dương)	Na Dương, huyện Lộc Bình (giao QL.4B)	Xuân Dương, huyện Lộc Bình (Giáp tỉnh Bắc Giang)	cấp IV-V
22	ĐT.250 (Đồng Bục - Hữu Kiên - Đồng Mỏ)	Đồng Bục, huyện Lộc Bình (giao QL.4B)	Đồng Mỏ, huyện Chi Lăng (giao ĐT.234)	cấp IV
23	ĐT.235A	TT. Đồng Đăng, huyện Cao Lộc (giao QL1A)	Tân Mỹ, huyện Văn Lăng (giao QL.4A)	cấp IV
II	Đường tỉnh mới			
1	Đường liên tỉnh nối KCN Hữu Lũng đến QL.31 - cảng Mỹ An [245B]	KCN Hữu Lũng, giao ĐT.245	xã Tân Thành, huyện Hữu Lũng (nối ĐT.293C, H. Lục Nam, tỉnh Bắc Giang)	cấp III
2	Đường liên tỉnh nối QL.4B với QL.18 [ĐT.249B]	Giao QL.4B, xã Bắc Lăng	Ranh giới với tỉnh Quảng Ninh, xã Bắc Lăng	cấp III
3	Đường Cao Lộc - Ba Sơn [ĐT.235B]	TT. Cao Lộc	Ba Sơn, xã Xuất Lễ, huyện Cao Lộc	cấp IV-V

TT	Tên tuyến	Điểm đầu dự kiến	Điểm cuối dự kiến	Quy mô tối thiểu dự kiến
4	Đường Bản Giềng - Đèo Cước - Bằng Mạc [ĐT.233B]	Huyện Văn Quan	Huyện Chi Lăng	cấp IV-V
5	Đường Tổng Nột - Y Tịch - Thị trấn Chi Lăng [ĐT.233C]	Giao QL.279, xã Thượng Cường, huyện Chi Lăng	Giao QL.1, TT. Chi Lăng	cấp V-VI
6	Đường Xuân Dương - Ái Quốc - TTNT Thái Bình [ĐT.247]	Xã Xuân Dương, huyện Lộc Bình	TTNT Thái Bình, huyện Đình Lập	cấp IV-V
7	Đường Cường Lợi -Đông Thắng-Lâm Ca [ĐT.249]	Giao QL.4B, Cường Lợi, huyện Đình Lập	giao QL.31, Lâm Ca, huyện Đình Lập	cấp V
8	Đường Mỏ Nhài - Ngả Hai và nhánh nối đi Võ Nhai tỉnh Thái Nguyên [ĐT.243B]	Xã Hưng Vũ, huyện Bắc Sơn	Xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn	cấp V
-	Nhánh nối đường Mỏ Nhài - Ngả Hai với huyện Võ Nhai tỉnh thái Nguyên [ĐT.243C]	Xã Tân Thành, huyện Bắc Sơn	Xã Tân Thành, huyện Bắc Sơn	cấp V
9	Đường Bến Bắc - Khuổi Mạ - Khánh Khê [ĐT.234B]	Đường Bến Bắc, TP. Lạng Sơn	Xã Khánh Khê, huyện Cao Lộc	cấp III
10	Đường nối ĐT.245 với ĐT.289 tỉnh Bắc Giang [ĐT.245C]	Xã Hòa Sơn, huyện Hữu Lũng	ĐT.289, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	cấp III
11	Đường nối Hữu Lũng - Yên Thế tỉnh Bắc Giang [QH.14]	ĐT.242, xã Đồng Tiến, huyện Hữu Lũng	ĐT.294C, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	cấp IV
12	Đường nối ĐT.243 ĐT.244 huyện Hữu Lũng với QL.17 huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang [QH.16]	ĐT.243, xã Yên Thịnh, huyện Hữu Lũng (nối ĐT.292D, Yên Thế, Bắc Giang)	Xã Thiện Kỳ, huyện Hữu Lũng	cấp III
13	Đường Tri Lễ - Hữu Liên [ĐT.233D] (*)	Huyện Văn Quan	ĐT.243, huyện Hữu Lũng	cấp IV-V
14	Đường Hải Yên - Thanh Loà - Bảo Lâm [ĐT.235C] (*)	Xã Hải Yên, giao đường Cao Lộc Ba Sơn	Xã bảo Lâm, giao ĐT.235	cấp IV-V
15	Đường Lâm Sơn - Quan Sơn - QL.279 [ĐT.238B] (*)	Xã Lâm Sơn, huyện Chi Lăng, giao ĐT.238	Xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng, giao QL.279	cấp IV-V
16	Đường nối QL.4B với ĐT.342 và QL.18C tỉnh Quảng Ninh [QH.13] (*)	Xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập	ĐT.342 tỉnh Quảng Ninh	cấp III-IV
17	Các đoạn tránh trên quốc lộ 1B, 4B, 4A, 279, 31			cấp III-IV

Ghi chú:

(*) Thực hiện sau năm 2030. Trong trường hợp huy động được nguồn lực có thể thực hiện đầu tư trước năm 2030.

- Các tuyến cao tốc và quốc lộ thực hiện theo quy hoạch quốc gia;
- Cấp đường và chiều dài xây dựng thực tế xác định theo hồ sơ thiết kế được phê duyệt. Đối với các đoạn đường qua đô thị, quy mô xây dựng thực hiện theo quy hoạch đô thị.
- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, tùy theo nhu cầu vận tải, khả năng huy động nguồn lực sẽ nghiên cứu đầu tư các đoạn tuyến tránh đô thị;
- Quy mô các tuyến đường địa phương là quy mô tối thiểu. Trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án, tùy theo nhu cầu vận tải sẽ xác định quy mô thực tế của tuyến đường; đồng thời, tùy theo nhu cầu vận tải và khả năng huy động nguồn lực sẽ quyết định phân kỳ đầu tư để bảo đảm hiệu quả đầu tư dự án./.



Phụ lục VI

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẢNG CẠN, LOGISTICS TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên dự án	Vị trí dự kiến	Phân loại
I	Theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050		
1	Cảng cạn Yên Trạch	Huyện Cao Lộc	Xây mới
2	Cảng cạn Tân Thanh	Huyện Văn Lãng	Xây mới
3	Cảng cạn Na Dương (*)	Huyện Lộc Bình	Xây mới
II	Dự án đã có trong Quy hoạch chung xây dựng Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn		
	Khu trung chuyển hàng hóa thuộc Khu KTCK Đồng Đăng	Huyện Cao Lộc	Xây mới
III	Dự án dự kiến đề xuất thực hiện theo điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn (**)		
1	Khu tổ hợp khu phi thuế quan, cảng cạn, đô thị và trung tâm kho bãi lưu trữ hàng hóa quốc tế Lạng Sơn	TP. Lạng Sơn, huyện Cao Lộc	Xây mới
2	Khu tổ hợp phát triển dịch vụ và đô thị hỗ trợ cho hoạt động kinh tế cửa khẩu, thương mại, kho bãi vận tải hàng hóa, công nghiệp và logistics	Huyện Cao Lộc	Xây mới

Ghi chú:

(*) Thực hiện giai đoạn sau 2030.

(**) Thực hiện sau khi Phương án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu KTCK Đồng Đăng - Lạng Sơn được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đảm bảo phù hợp với các quy hoạch khác có liên quan.

Về quy mô, diện tích đất sử dụng, cơ cấu tổng mức đầu tư của các công trình, dự án trong Danh mục nêu trên sẽ được tính toán, lựa chọn và xác định cụ thể trong từng giai đoạn lập và trình duyệt dự án đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ ./.



Phụ lục VII
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI CẤP ĐIỆN
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

A. NGUỒN ĐIỆN

TT	Nhà máy điện	Địa điểm dự kiến	Công suất dự kiến (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Đến năm 2030	
A	Các dự án đã được xác định tại Quy hoạch điện VIII				
	Nhiệt điện than			110	
	Na Dương II	Huyện Lộc Bình		110	
B	Các dự án thủy điện nhỏ đã được quy hoạch trong thời kỳ 2011 - 2020, xem xét triển khai thực hiện trong thời kỳ 2021 - 2030				
1	Các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020, đã hoàn thành xây dựng			7	
	Thủy điện Bản Lải	Huyện Lộc Bình		7	Vận hành năm 2023
2	Các dự án thủy điện đã được quy hoạch giai đoạn 2011 - 2020 chưa triển khai thực hiện được đưa vào giai đoạn 2021 - 2030			61,8	
2.1	Thủy điện Bản Nhùng (Kỳ Cùng 6)	Các huyện: Văn Quan, Văn Lãng		13	
2.2	Thủy điện Bắc Giang (Vàng Puộc)	Huyện Bình Gia		14	
2.3	Thủy điện Đèo Khách (Tân Việt)	Huyện Văn Lãng		5	
2.4	Thủy điện Tràng Định 2	Huyện Tràng Định		29,8	
C	Các dự án năng lượng tái tạo tiềm năng xem xét phát triển trong thời kỳ 2021 - 2030				
I	Điện rác			11	
	Điện rác Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc		11	
II	Điện mặt trời mái nhà tiềm năng	Các huyện, thành phố		25	
III	Điện gió tiềm năng			1.444	
1	Nhà máy điện gió Ái Quốc	Huyện Lộc Bình		100	
2	Nhà máy điện gió Bình Gia	Các huyện: Bình Gia, Văn Lãng		80	
3	Nhà máy điện gió Cao Lộc	Các huyện: Cao		55	

TT	Nhà máy điện	Địa điểm dự kiến	Công suất dự kiến (MW)		Ghi chú
			Hiện trạng	Đến năm 2030	
		Lộc, Lộc Bình			
4	Nhà máy điện gió Cao Lộc 3	Huyện Cao Lộc		69	
5	Nhà máy điện gió Chi Lăng	Các huyện: Chi Lăng, Lộc Bình		100	
6	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1	Huyện Cao Lộc		50	
7	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1.1	Huyện Cao Lộc		50	
8	Nhà máy điện gió Đình Lập	Huyện Đình Lập		100	
9	Nhà máy điện gió Đình Lập 1	Huyện Đình Lập		50	
10	Nhà máy điện gió Đình Lập 1.1	Huyện Đình Lập		50	
11	Nhà máy điện gió Đình Lập 4	Huyện Đình Lập		90	
12	Nhà máy điện gió Đình Lập 5	Các huyện: Đình Lập, Lộc Bình		100	
13	Nhà máy điện gió Văn Quan 1	Huyện Văn Quan		50	
14	Nhà máy điện gió Hữu Kiên	Huyện Chi Lăng		90	
15	Nhà máy điện gió Lộc Bình	Các huyện: Lộc Bình, Chi Lăng		60	
16	Nhà máy điện gió Phabaco - Lộc Bình	Các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình		50	
17	Nhà máy điện gió Lộc Bình 1	Huyện Lộc Bình		50	
18	Nhà máy điện gió Lộc Bình 3	Huyện Lộc Bình		60	
19	Nhà máy điện gió Mẫu Sơn	Các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình		30	
20	Nhà máy điện gió Thăng Long 3	Huyện Chi Lăng		50	
21	Nhà máy điện gió Văn Lãng 1	Huyện Văn Lãng		80	
22	Nhà máy điện gió Văn Quan	Các huyện: Văn Quan, Cao Lộc		30	
IV	Điện sinh khối tiềm năng			30	
1	Điện sinh khối Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn		12	
2	Điện sinh khối Lạng Sơn	Huyện Lộc Bình		18	

Ghi chú:

- Việc đầu tư các dự án nguồn điện (nhiệt điện than, thủy điện nhỏ, năng lượng tái tạo tiềm năng, ...) chỉ được thực hiện khi bảo đảm phù hợp với Kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được cấp có thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với các điều kiện, tiêu chí, luận chứng theo Quy hoạch điện VIII và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật có liên quan.

- Các dự án thủy điện đang vận hành, đang triển khai hoặc đã có trong quy hoạch giai

đoạn 2011 - 2020 chỉ được điều chỉnh quy mô, công suất khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định;

- Việc đầu tư các dự án thủy điện nhỏ phải được xem xét đánh giá kỹ lưỡng về tác động môi trường, đời sống dân sinh, diện tích chiếm đất, ...; phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh, tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước, ... và các quy định khác có liên quan.

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.

B. LƯỚI ĐIỆN PHÂN PHỐI, TRUYỀN TẢI

I. TRẠM BIẾN ÁP 500KV (THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII)

Trạm biến áp 500 kV	Công suất dự kiến (MVA)	Ghi chú
Lạng Sơn	1.800	Xây dựng giai đoạn 2026-2030

II. ĐƯỜNG DÂY 500KV (THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII)

Đường dây 500 kV	Số mạch x Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
Lạng Sơn – Rẽ Bắc Bộ 3 – Thái Nguyên	4 x 5	Xây dựng mới đồng bộ theo quy mô tiến độ nguồn điện khu vực, xem xét triển khai trong 2 trường hợp sau: (1) Trường hợp đường dây 500kV Bắc Bộ 3 – Thái Nguyên chậm tiến độ, xây dựng trước đường dây 500kV mạch kép Lạng Sơn – Yên Thế dài 110 km. (2) Trường hợp TBA 500kV Lạng Sơn triển khai trước, xây mới đường dây 500kV mạch kép Bắc Bộ 3 - Lạng Sơn dài 80 km.

III. TRẠM BIẾN ÁP 220KV (THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII)

TT	Trạm biến áp 220 kV	Công suất dự kiến (MVA)	Ghi chú
1	Lạng Sơn	2 x 250	Nâng công suất Máy 1: 125MVA thành 250MVA + lắp đặt mới Máy 2: 250 MVA
2	Đồng Mỏ	1 x 250	Xây dựng mới
3	Lạng Sơn 1	2 x 250	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
4	Lạng Sơn 2	2 x 250	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực

IV. ĐƯỜNG DÂY 220KV (THEO QUY HOẠCH ĐIỆN VIII)

TT	Đường dây 220 kV	Số mạch x Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
1	Bắc Giang – Lạng Sơn	2 x 102	Đã hoàn thành. Đầu nối TBA 220kV Lạng Sơn
2	Đồng Mỏ - Rẽ Bắc Giang – Lạng Sơn	4 x 3	Xây mới, đầu nối TBA 220kV Đồng Mỏ
3	Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ	2 x 60	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
4	Lạng Sơn 2 – Lạng Sơn 1 500kV	2 x 20	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
5	Bắc Giang 1 – Lạng Sơn 1	2 x 35	Xây mới, đồng bộ theo quy mô và tiến độ nguồn điện khu vực
6	Cao Bằng – Lạng Sơn	2 x 120	Xây dựng mới
7	Đồng Mỏ - Sơn Động	2 x 60	Xây dựng mới

V. TRẠM BIẾN ÁP 110KV

TT	Trạm biến áp	Công suất dự kiến (MVA)		Ghi chú
		Hiện trạng	Đến năm 2030	
I	Nâng cấp cải tạo			
1	Đồng Mỏ	2x25	2x40	
2	Lạng Sơn	2x40	40 + 63	
3	Hữu Lũng	2x40		Đã hoàn thành lắp thêm máy 2: 40MVA vào tháng 12/2022
4	XM Đồng Bành	1x25	25 + 40	
5	Cao Lộc	1x40	2x40	Đã hoàn thành lắp máy 1: 40MVA vào tháng 6/2022
6	Tràng Định	1x40	2x40	Đã hoàn thành lắp máy 1: 40MVA vào tháng 12/2022
II	Xây dựng mới			
1	Bình Gia	1x40		
2	Lộc Bình (Na Dương)	2x40		
3	Đình Lập		2x40	Tiến độ lắp máy phù hợp với quy mô và tiến độ hệ thống điện khu vực
4	Hữu Lũng 2		3x63	Tiến độ lắp máy phù hợp với quy mô và tiến độ hệ thống điện khu vực
5	Bắc Sơn		2x40	
6	Văn Quan		1x40	
7	Lạng Sơn 2		2x63	
8	Văn Lãng		1x40	

VI. ĐƯỜNG DÂY 110KV

TT	Danh mục đường dây	Tiết diện dự kiến (mm ²)	Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
I	Nâng cấp cải tạo			
1	Bắc Giang - Đồng Mỏ	2 x 300	60	
2	Trạm 110kV Lạng Sơn đến vị trí rẽ vào trạm 220kV Lạng Sơn	2 x 240	9,5	Cải tạo đường dây mạch đơn thành mạch kép
3	NĐ Na Dương - rẽ trạm 110kV Lạng Sơn	2 x 300	38,5	
4	Đường dây 110kV Đồng Đăng- Thác Xăng- Tràng Định (Cao Bằng)	2 x 300	44,5	Nâng tiết diện mạch 1 hiện hữu từ AC185 lên AC300, và xây dựng mới mạch 2
5	Đường dây 110kV Lạng Sơn - Đồng Mỏ	1 x 300	37	
6	Đường dây 110kV Na Dương - Tiên Yên	1 x 300	62,5	
II	Xây dựng mới			
1	Nhánh rẽ trạm 110kV Tràng Định	2x300	0,5	Đã hoàn thành tháng 12/2022. Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV Lạng Sơn - Quảng Uyên
2	Nhánh rẽ trạm 110kV Lộc Bình (Na Dương)	2x300	1	Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV NĐ Na Dương - Lạng Sơn
3	Nhánh rẽ trạm 110kV Cao Lộc	2x300	0,5	Đã hoàn thành tháng 6/2022. Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV NĐ Na Dương - Lạng Sơn
4	Trạm 220kV Lạng Sơn - Đồng Đăng	2x240	9	Trạm 110kV Đồng Đăng nhận điện từ trạm 220kV Lạng Sơn
5	Trạm 220kV Lạng Sơn - Đồng Đăng	2x240	2,1	Chuyển đầu nối đường dây 110kV Lạng Sơn - Đồng Đăng về thanh cái 110kV trạm 220kV Lạng Sơn
6	Trạm 220kV Lạng Sơn - Đường dây 110kV mạch kép Na Dương - Lạng Sơn	2x300	9,7	Chuyển đầu nối cụm NĐ Na Dương về thanh cái 110kV trạm 220kV Lạng Sơn
7	Trạm 220kV Lạng Sơn - Bình Gia	1x300	59,3	
8	Bình Gia - Võ Nhai (Thái Nguyên)	1x300	60	
9	Trạm 220kV Đồng Mỏ - Đồng Mỏ	2x240	0,5	
10	Nhánh rẽ từ trạm 220kV Đồng Mỏ - 220kV Lạng Sơn	2x300	35	Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV XM Đồng Bành

TT	Danh mục đường dây	Tiết diện dự kiến (mm ²)	Chiều dài dự kiến (km)	Ghi chú
				- Lạng Sơn
11	Lạng Sơn - NB Na Dương (mạch 3)	1x300	37	Xây mới
12	Nhánh rẽ trạm 110kV Đình Lập	2x300	1	Đầu chuyển tiếp trên đường dây NB Na Dương - Tiên Yên
13	Nhánh rẽ 110kV tại trạm 220 kV Lạng Sơn 1	2x300	0,5	Đầu chuyển tiếp trên đường dây NB Na Dương - Tiên Yên
14	Trạm 220kV Lạng Sơn 1 – NB Na Dương	2x300	17	
15	Trạm 220kV Lạng Sơn 1 – Đình Lập	2x300	1	
16	Trạm 220kV Đồng Mỏ - Bắc Giang	1x300	60	
17	Nhánh rẽ TBA 110kV Hữu Lũng 2	2x300	1,5	Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV Trạm 220kV Đồng Mỏ - Bắc Giang
18	Nhánh rẽ 110kV tại trạm 220kV Lạng Sơn 2	4x400	5	Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV NB Na Dương - Lạng Sơn
19	Nhánh rẽ trạm 110kV Văn Lãng	2 x 300	1	Đầu chuyển tiếp trên mạch đường dây Đồng Đăng – TD Tràng Định 2
20	Nhánh rẽ trạm 110kV Lạng Sơn 2	4 x 300	7	Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV NB Na Dương - Lạng Sơn
21	Trạm 220kV Đồng Mỏ - Văn Quan	2 x 300	30	
22	Nhánh rẽ trạm 110 kV Bắc Sơn	2 x 300	0,5	Đầu chuyển tiếp trên đường dây 110kV Bình Gia - Võ Nhai

Ghi chú:

- Việc đầu tư các trạm biến áp và tuyến đường dây 500kV và 220kV phải căn cứ vào Quy hoạch và Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiến độ, quy mô và vị trí của các trạm biến áp, sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn điện và cấu hình lưới điện trong thực tế.

- Tiến độ, vị trí, quy mô của các đường dây sẽ được chuẩn xác trong quá trình xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, phụ thuộc vào tiềm năng phát triển nguồn điện và cấu hình lưới điện trong thực tế. Chiều dài đường dây sẽ được chuẩn xác trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư./.



Phụ lục VIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI THỦY LỢI, CẤP NƯỚC TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

A. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
I	Dự án nâng cấp cải tạo	
1	Tổng 08 công trình: 01 hồ chứa, 01 đập phai, 04 trạm bơm, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	TP Lạng Sơn
2	Tổng 19 công trình: 07 hồ chứa, 05 đập phai, 05 trạm bơm, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Cao Lộc
3	Tổng 24 công trình: 01 hồ chứa, 18 đập phai, 02 trạm bơm, 03 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Chi Lăng
4	Tổng 36 công trình: 13 hồ chứa, 09 đập phai, 12 trạm bơm, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Hữu Lũng
5	Tổng 08 công trình: 02 hồ chứa, 03 đập phai, 01 trạm bơm, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Bình Gia
6	Tổng 22 công trình: 06 hồ chứa, 14 đập phai, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Bắc Sơn
7	Tổng 15 công trình: 03 hồ chứa, 06 đập phai, 04 trạm bơm, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Văn Quan
8	Tổng 21 công trình: 10 hồ chứa, 07 đập phai, 02 trạm bơm, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Văn Lãng
9	Tổng 08 công trình: 03 hồ chứa, 03 đập phai, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Tràng Định
10	Tổng 18 công trình: 08 hồ chứa, 04 đập phai, 04 trạm bơm, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Lộc Bình
11	Tổng 07 công trình: 03 hồ chứa, 02 đập phai, 02 cụm công trình thủy lợi và hệ thống kênh mương	Huyện Đình Lập
II	Dự án đề xuất mới	
1	01 hồ chứa	Huyện Cao Lộc
2	01 Cụm công trình thủy lợi	Huyện Chi Lăng
3	Tổng 03 công trình: 02 hồ chứa, 01 đập phai	Huyện Hữu Lũng
4	Tổng 11 công trình: 09 hồ chứa, 01 đập phai, 01 trạm bơm	Huyện Bình Gia
5	Tổng 04 công trình: 03 hồ chứa, 01 trạm bơm	Huyện Bắc Sơn
6	Tổng 09 công trình: 04 hồ chứa, 04 đập phai, 01 trạm bơm	Huyện Văn Quan
7	Tổng 06 công trình: 02 hồ chứa, 02 đập phai, 02 trạm bơm	Huyện Văn Lãng

TT	Danh mục	Địa điểm dự kiến
8	Tổng 03 công trình: 02 hồ chứa, 01 đập phai	Huyện Trảng Định
9	Tổng 03 công trình: 01 đập phai, 02 trạm bơm	Huyện Lộc Bình
10	Tổng 05 công trình: 02 hồ chứa, 03 đập phai	Huyện Đình Lập
11	Hệ thống tưới tiết kiệm	Các huyện, thành phố

B. DANH MỤC CÁC NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH

TT	Tên huyện, thành phố	Tên nhà máy nước, trạm cấp nước dự kiến	Ghi chú
A	CẤP NƯỚC ĐÔ THỊ		
1	TP. Lạng Sơn	Các trạm xử lý nước ngầm	Giữ nguyên công suất
		Nhà máy nước mặt Công ty (ĐK)	Cải tạo, nâng công suất
		Trạm cấp nước H9 (MP)	Giữ nguyên công suất
		Nhà máy nước Nà Tâm	Cải tạo, nâng công suất
2	Huyện Cao Lộc	Trạm cấp nước LK1 - Đồng Đăng	Giữ nguyên công suất
		Trạm cấp nước LK2 - Đồng Đăng	Giữ nguyên công suất
		Trạm cấp nước Tân Mỹ	Giữ nguyên công suất
		Trạm cấp nước Đ3	Giữ nguyên công suất
3	Huyện Chi Lăng	Trạm LK2 - Chi Lăng	Giữ nguyên công suất
		Trạm LK5 - Chi Lăng	Giữ nguyên công suất
		Trạm Than Muội	Giữ nguyên công suất
		Trạm Mỏ Sục	Giữ nguyên công suất
		Nhà máy nước đô thị Vạn Linh	Xây dựng mới
		Nhà máy nước KCN Đồng Bành	Xây dựng mới
4	Huyện Hữu Lũng	Trạm cấp nước thị trấn Hữu Lũng	Cải tạo, nâng công suất
		Trạm cấp nước Vân Nham	Cải tạo, nâng công suất
		Nhà máy nước các KCN	Xây dựng mới
5	Huyện Văn Lãng	Trạm cấp nước Tân Thanh	Giữ nguyên công suất
		Trạm cấp nước Na Sầm	Cải tạo, nâng công suất
6	Huyện Trảng Định	Trạm cấp nước Thị trấn Trảng Định	Cải tạo, nâng công suất
7	Huyện Văn Quan	Trạm cấp nước số 1	Giữ nguyên công suất
		Trạm cấp nước số 2	Giữ nguyên công suất
		Trạm cấp nước Văn An	Giữ nguyên công suất
8	Huyện Bình Gia	Trạm cấp nước thị trấn Bình Gia	Giữ nguyên công suất

TT	Tên huyện, thành phố	Tên nhà máy nước, trạm cấp nước dự kiến	Ghi chú
		Nhà máy nước hồ Phai Danh	Xây dựng mới
9	Huyện Bắc Sơn	Trạm cấp nước sân vận động	Giữ nguyên công suất
		Nhà máy nước Pó Sáng	Cải tạo, nâng công suất
		Nhà máy nước đô thị Ngà Hai	Xây dựng mới
10	Huyện Lộc Bình	Trạm cấp nước thị trấn Lộc Bình	Cải tạo, nâng công suất
		Trạm cấp nước thị trấn Na Dương	Cải tạo, nâng công suất
		Trạm cấp nước Chi Ma	Giữ nguyên công suất
		Hệ thống cấp nước hồ Bản Lái	Xây dựng mới
11	Huyện Đình Lập	Trạm cấp nước thị trấn Đình Lập	Cải tạo, nâng công suất
		Trạm cấp nước thị trấn Nông trường	Cải tạo, nâng công suất

B. CẤP NƯỚC NÔNG THÔN

Các công trình cấp nước nông thôn được đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp đảm bảo tỷ lệ hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó 80% được sử dụng nước sạch.

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.



Phụ lục IX
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU XỬ LÝ CHẤT THẢI
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Các khu xử lý	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
1	Khu xử lý CTR liên huyện Cao Lộc - TP Lạng Sơn - Văn Lãng và vùng phụ cận	Huyện Văn Lãng	22,4
2	Các khu xử lý CTR liên huyện Chi Lăng - Hữu Lũng và vùng phụ cận		
-	Khu xử lý CTR tại huyện Chi Lăng	Huyện Chi Lăng	6,1
-	Khu xử lý CTR tại huyện Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng	10,0
3	Khu xử lý CTR liên huyện Bình Gia - Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn	7,2
4	Khu xử lý CTR các huyện, thành phố	Các huyện, thành phố	5-15

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.



Phụ lục X
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC NGHĨA TRANG
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Nghĩa trang	Địa điểm dự kiến	Diện tích dự kiến (ha)
A	Nghĩa trang khu vực đô thị (*)		
1	Công viên nghĩa trang	Huyện Cao Lộc	206
2	Nghĩa trang tập trung	Huyện Chi Lăng	60
3	Nghĩa trang tập trung	Huyện Hữu Lũng	10
4	Nghĩa trang tập trung	Huyện Lộc Bình	14,9
B	Nghĩa trang khu vực nông thôn Thực hiện theo chương trình nông thôn mới, mỗi xã hoặc cụm xã xây dựng 1 nghĩa trang tập trung với quy mô dự kiến 5-10ha		

Ghi chú:

(*) Có thể bao gồm cơ sở hỏa táng

- Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.



Phụ lục XI
PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG PCCC&CNCH
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên đơn vị	Địa điểm dự kiến
1	Đội Cảnh sát PCCC&CHCN khu vực II	Huyện Chi Lăng
2	Đội Chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực Đồng Đăng	Huyện Cao Lộc
3	Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh	TP Lạng Sơn
4	Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình
5	Trung tâm diễn tập phòng chống khủng bố và phòng cháy, chữa cháy	Huyện Cao Lộc
6	Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh Lạng Sơn	Huyện Hữu Lũng
7	Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng
8	Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Bình Gia	Huyện Bình Gia
9	Đội Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Văn Lãng	Huyện Văn Lãng
10	Các đội PCCC chuyên ngành trong các Khu công nghiệp; Cụm công nghiệp có diện tích 50ha trở lên	Toàn tỉnh

Ghi chú:

Tên dự án, vị trí, quy mô và phạm vi ranh giới các Trụ sở Đội cảnh sát PCCC & CNCH sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch chi tiết và lập dự án đầu tư./.



Phụ lục XII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ Y TẾ TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên đơn vị	Địa điểm dự kiến
I	Công trình xây dựng mới	
1	Bệnh viện tâm thần tỉnh Lạng Sơn	TP Lạng Sơn
2	Bệnh viện đa khoa tư nhân	TP Lạng Sơn
3	Bệnh viện đa khoa tư nhân	Huyện Hữu Lũng
II	Công trình nâng cấp cải tạo	
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lạng Sơn	TP Lạng Sơn
2	Bệnh viện Y dược học cổ truyền tỉnh	TP Lạng Sơn
3	Bệnh viện Lao và bệnh phổi	TP Lạng Sơn
4	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	TP Lạng Sơn
5	Trung tâm Y tế Huyện Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn
6	Trung tâm Y tế Huyện Bình Gia	Huyện Bình Gia
7	Trung tâm Y tế Huyện Chi Lăng	Huyện Chi Lăng
8	Trung tâm Y tế Huyện Đình Lập	Huyện Đình Lập
9	Trung tâm Y tế Huyện Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng
10	Trung tâm Y tế Huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình
11	Trung tâm Y tế Huyện Tràng Định	Huyện Tràng Định
12	Trung tâm Y tế Huyện Văn Lãng	Huyện Văn Lãng
13	Trung Tâm Y Tế Thành phố Lạng Sơn	TP Lạng Sơn
14	Trung Tâm Y Tế Cao Lộc	TP Lạng Sơn
15	Trung Tâm Y Tế Huyện Văn Quan	Huyện Văn Quan

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của các công trình nêu trên sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư thực hiện dự án./.



Phụ lục XIII

PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Địa điểm dự kiến
I	Công trình nâng cấp cải tạo	
	Trường THPT	Các huyện, thành phố
II	Công trình xây mới	
1	Trường THPT	
1.1	Trường THPT Hội Hoan	Huyện Văn Lãng
1.2	Trường THPT thành lập mới	TP. Lạng Sơn
1.3	Trường THPT thành lập mới	Huyện Hữu Lũng
1.4	Trường THPT thành lập mới	Huyện Cao Lộc
1.5	Trường THPT thành lập mới	Huyện Lộc Bình
2	Giáo dục đặc biệt	
	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập	TP Lạng Sơn
3	Trường Cao đẳng/Đại học	
3.1	Phát triển trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn thành phân hiệu cơ sở giáo dục đại học/trường đại học phù hợp	TP Lạng Sơn
3.2	Đầu tư xây dựng cơ sở mới trường Chính trị Hoàng Văn Thụ	TP. Lạng Sơn



Phụ lục XIV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC THIẾT CHẾ VĂN HÓA, THỂ THAO
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
I. Công trình văn hóa			
1	Thư viện tỉnh	TP. Lạng Sơn	Đầu tư xây mới trụ sở thư viện tỉnh với diện tích khoảng 10-15.000m ²
2	Thư viện huyện	TP. Lạng Sơn và 05 huyện: Văn Quan, Cao Lộc, Đình Lập, Văn Lãng, Tràng Định	Xây mới
3	Bảo tàng tỉnh	TP. Lạng Sơn	Xây dựng Dự án chỉnh lý, đổi mới hệ thống trưng bày Nhà trưng bày Bảo tàng tỉnh; Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý kho hiện vật của Bảo tàng tỉnh.
4	Bảo tàng Chi Lăng	Huyện Chi Lăng	Xây mới
5	Khu trưng bày tưởng niệm đồng chí Lương Văn Tri	TT. Văn Quan, Huyện Văn Quan	Xây mới
6	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và truyền thông cấp huyện	04 huyện: Hữu Lũng, Tràng Định, Lộc Bình, Đình Lập	Xây mới
7	Trung tâm triển lãm và tổ chức sự kiện văn hóa	TP. Lạng Sơn	Xây mới
8	Tượng đài và Quảng trường Bác Hồ với nhân dân các dân tộc tỉnh Lạng Sơn	TP. Lạng Sơn	Xây mới
9	Khu di tích lưu niệm đồng chí Hoàng Văn Thụ	Huyện Văn Lãng	Nâng cấp mở rộng
10	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích quốc gia đặc biệt Khởi nghĩa Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn	Tu bổ, tôn tạo
11	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử quốc gia đặc	Huyện Chi Lăng	Tu bổ, tôn tạo

TT	Tên công trình	Địa điểm dự kiến	Ghi chú
	biệt Chi Lăng		
II. Công trình thể dục thể thao			
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Lạng Sơn	TP. Lạng Sơn	Xây mới
2	Sân vận động huyện	Huyện Cao Lộc	Xây mới



Phụ lục XV

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC CHỢ ĐẦU MỐI, CHỢ HẠNG I
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
I	Công trình chợ hạng I hiện trạng	
1	Chợ Đông Kinh	TP Lạng Sơn
2	Chợ Đồng Đăng trong TTTM Đồng Đăng	Huyện Cao Lộc
II	Công trình chợ đầu mối xây dựng mới	
	Chợ đầu mối	Huyện Cao Lộc

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.



Phụ lục XVI

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN AN SINH XÃ HỘI
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên dự án	Địa điểm dự kiến
I	Công trình nâng cấp cải tạo	
1	Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp	TP Lạng Sơn
2	Trung tâm điều dưỡng người có công	TP Lạng Sơn
3	Cơ sở Cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn	TP Lạng Sơn
4	Trung tâm Hy vọng Lộc Bình	Huyện Lộc Bình
5	Trung tâm Hy vọng Lạng Sơn	Huyện Hữu Lũng
6	Mái ấm tình thương Vinh Sơn	Huyện Tràng Định
II	Công trình xây dựng mới	
1	Trung tâm trợ giúp xã hội tỉnh Lạng Sơn	TP Lạng Sơn
2	Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp	Huyện Văn Lãng
3	Cơ sở Bảo trợ xã hội tổng hợp	Huyện Đình Lập

Ghi chú:

Tên, vị trí, quy mô, diện tích các công trình, dự án sẽ được tính toán, lựa chọn, xác định cụ thể trong giai đoạn lập kế hoạch, phê duyệt hoặc quyết định chủ trương đầu tư./.



Phụ lục XVII

CÁC CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH LẠNG SƠN ĐẾN NĂM 2030

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Phân bổ theo QĐ số 326/QĐ-TTg			Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh
				Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung	Diện tích năm 2030	
I	Loại đất						
1	Đất nông nghiệp	NNP	719.739	718.672		718.672	715.672
	Trong đó:						-
1.1	Đất trồng lúa	LUA	43.647	41.447		41.447	40.861
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	21.154	19.954		19.954	19.655
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	28.951	0	31.713	31.713	30.838
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	99.151	99.598		99.598	99.598
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	13.129	13.079		13.079	13.079
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	490.756	489.559		489.559	487.846
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	186.977	184.943		184.943	184.943
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	51.465	65.620		65.620	68.952
	Trong đó:						-
2.1	Đất quốc phòng	CQP	10.851	12.476		12.476	12.476
2.2	Đất an ninh	CAN	57	161		161	202 (**)
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	31	2.055		2.055	2.055
2.4	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh	DHT	17.493	20.933		20.933*	25.879
	Trong đó:					-	-
-	Đất giao thông	DGT	13.426	16.786		16.786*	17.202
-	Đất thủy lợi	DTL	1.049	0	1.428	1.428	1.538
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	37	95		95*	138
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	75	123		123*	123
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	468	622		622*	637
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	137	423		423*	651
-	Đất công trình năng lượng	DNL	414	1.177		1.177*	2.099
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	10	20		20*	24
2.5	Đất xây dựng kho dự trữ	DKG	0	4		4	4

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2020	Phân bổ theo QĐ số 326/QĐ-TTg			Nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 của tỉnh
				Diện tích cấp quốc gia phân bổ	Diện tích cấp tỉnh xác định, xác định bổ sung	Diện tích năm 2030	
	quốc gia						
2.6	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	632	843		843	860
2.7	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	596	840		840	1.328
3	Đất chưa sử dụng	CSD	59.814	46.726		46.726	46.394
II	Khu chức năng						-
1	Đất khu công nghệ cao	KCN				-	-
2	Đất khu kinh tế	KKT		47.354		47.354	47.354
3	Đất đô thị	KDT		25.933		25.933	36.759

Ghi chú:

(*) Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia.

(**) Theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ.

- Khu chức năng không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên.

- Trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, đất an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Việc triển khai các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025 đã phân bổ cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền./.



Phụ lục XVIII
ĐINH HƯỚNG PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG TỈNH
LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

*(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên khu vực	Phạm vi, tính chất
I	Vùng bảo vệ nghiêm ngặt có các yếu tố, đối tượng nhạy cảm cần được bảo vệ nghiêm ngặt	Nội thành, nội thị của thành phố Lạng Sơn
		Nguồn nước mặt gồm 108 đoạn sông, suối; 24 hồ chứa có dung tích từ 01 triệu (1×10^6) m ³ nước trở lên, các đoạn sông, suối, hồ và các nguồn nước dưới đất được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt
		Các khu bảo tồn thiên nhiên: Khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn, Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bắc Sơn
		Khu vực bảo vệ cấp 1 của di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia đặc biệt, cấp quốc gia và cấp tỉnh
		Các điểm di sản (vùng bảo vệ cấp 1) được xác định trong Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Lạng Sơn
		II
Vùng đất ngập nước quan trọng là đoạn sông Kỳ Cùng chảy qua địa bàn các huyện Đình Lập, Lộc Bình, Cao Lộc, Văn Lãng, Tràng Định và TP Lạng Sơn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quyết định số 1479/2008/QĐ-TTg		
Hành lang bảo vệ nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt gồm 108 đoạn sông, suối; 24 hồ chứa có dung tích từ 01 (1×10^6) triệu m ³ nước trở lên dùng để cấp nước sinh hoạt		
Khu dân cư tập trung là nội thành, nội thị của các đô thị loại IV, loại V theo phương án phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030 gồm: TT Đồng Mỏ, TT Chi Lăng, Đô thị Vạn Linh, TT Hữu Lũng, TT Na Sầm, Đô thị Tân Thanh, TT Thất Khê, TT Văn Quan, TT		

TT	Tên khu vực	Phạm vi, tính chất
		Bình Gia, TT Bắc Sơn, Đô thị Ngã Hai (Vũ Lễ), TT Lộc Bình, TT Na Dương, Đô thị Chi Ma (Yên Khoái); TT Đình Lập, Đô thị Nông Trường Thái Bình.
		Khu vui chơi giải trí được UBND tỉnh ra quyết định thành lập trong thời kỳ 2021-2030 theo nhu cầu phát triển dịch vụ vui chơi giải trí của nhân dân trong tỉnh
		Khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường dễ bị tổn thương trước tác động của ô nhiễm môi trường khác cần được bảo vệ gồm: (1) Các khu vực khai thác khoáng sản; (2) Các khu vực bố trí cơ sở xử lý chất thải; (3) Các khu vực đất nguy hiểm; các vùng đất không ổn định; các khu vực tiềm ẩn nguy cơ tai biến thiên nhiên; (4) Các khu vực nhạy cảm sinh thái trong hành lang bảo vệ nguồn nước có khả năng bị xâm phạm, xâm hại ảnh hưởng đến mục tiêu cấp nước sinh hoạt; (5) Rừng phòng hộ đầu nguồn; rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư; rừng phòng hộ biên giới theo quy định của Luật Lâm nghiệp.
III	Vùng khác	Là những không gian lãnh thổ ngoài hai vùng trên



Phụ lục XIX

**PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN CÁC KHU BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên	Phân loại	Vị trí	Quy mô dự kiến (ha)
I	Khu bảo tồn thiên nhiên cấp tỉnh			
1	Khu dự trữ thiên nhiên Hữu Liên	Khu dự trữ thiên nhiên	Các huyện: Hữu Lũng, Văn Quan, Chi Lăng	8.242,0
2	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Mẫu Sơn	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh	Các huyện: Lộc Bình, Cao Lộc	3.881,9
3	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh Bắc Sơn	Khu bảo tồn loài - sinh cảnh	Huyện Bắc Sơn	955,1
II	Cảnh quan sinh thái quan trọng do địa phương quản lý			
1	Cảnh quan sinh thái quan trọng Hữu Liên - Chi Lăng		Các huyện: Hữu Lũng, Văn Quan, Chi Lăng	133.179,4
2	Cảnh quan sinh thái quan trọng núi Mẫu Sơn		Các huyện: Lộc Bình, Cao Lộc	9.939,9

Ghi chú: Thực hiện theo Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt./.



Phụ lục XX

**DANH MỤC ĐIỂM QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Điểm quan trắc môi trường cấp tỉnh	Tổng số điểm	Trong đó	
			Hiện có	Bổ sung (dự kiến)
I	Môi trường không khí	52	40	12
1	TP Lạng Sơn	6	6	
2	Huyện Cao Lộc	7	7	
3	Huyện Đình Lập	3	2	1
4	Huyện Lộc Bình	7	5	2
5	Huyện Chi Lăng	6	4	2
6	Huyện Hữu Lũng	7	5	2
7	Huyện Văn Quan	3	2	1
8	Huyện Bình Gia	3	2	1
9	Huyện Bắc Sơn	3	2	1
10	Huyện Tràng Định	3	2	1
11	Huyện Văn Lãng	4	3	1
II	Môi trường nước mặt	58	46	12
1	TP Lạng Sơn	6	6	
2	Huyện Cao Lộc	3	3	
3	Huyện Đình Lập	4	3	1
4	Huyện Lộc Bình	10	8	2
5	Huyện Chi Lăng	4	2	2
6	Huyện Hữu Lũng	5	3	2
7	Huyện Văn Quan	6	5	1
8	Huyện Bình Gia	3	2	1
9	Huyện Bắc Sơn	4	3	1
10	Huyện Tràng Định	8	7	1
11	Huyện Văn Lãng	5	4	1
III	Môi trường nước dưới đất	34	31	3
1	Tp Lạng Sơn	7	7	
2	Huyện Cao Lộc	4	4	
3	Huyện Đình Lập	1	1	
4	Huyện Lộc Bình	3	2	1
5	Huyện Chi Lăng	5	4	1
6	Huyện Hữu Lũng	4	3	1
7	Huyện Văn Quan	2	2	

TT	Điểm quan trắc môi trường cấp tỉnh	Tổng số điểm	Trong đó	
			Hiện có	Bổ sung (dự kiến)
8	Huyện Bình Gia	2	2	
9	Huyện Bắc Sơn	2	2	
10	Huyện Tràng Định	2	2	
11	Huyện Văn Lãng	2	2	
IV	Môi trường đất	29	26	3
1	Tp Lạng Sơn	3	3	
2	Huyện Cao Lộc	3	3	
3	Huyện Đình Lập	2	2	
4	Huyện Lộc Bình	4	3	1
5	Huyện Chi Lăng	4	3	1
6	Huyện Hữu Lũng	4	3	1
7	Huyện Văn Quan	1	1	
8	Huyện Bình Gia	2	2	
9	Huyện Bắc Sơn	2	2	
10	Huyện Tràng Định	2	2	
11	Huyện Văn Lãng	2	2	
V	Môi trường trầm tích	20	20	0
1	Tp Lạng Sơn	4	4	
2	Huyện Cao Lộc	1	1	
3	Huyện Đình Lập	2	2	
4	Huyện Lộc Bình	3	3	
5	Huyện Chi Lăng	1	1	
6	Huyện Hữu Lũng	1	1	
7	Huyện Văn Quan	1	1	
8	Huyện Bình Gia	2	2	
9	Huyện Bắc Sơn	1	1	
10	Huyện Tràng Định	2	2	
11	Huyện Văn Lãng	2	2	
VI	Môi trường sinh học	3	0	3
1	Huyện Hữu Lũng	1	0	1
2	Huyện Cao Lộc	1	0	1
3	Huyện Bắc Sơn	1	0	1
Tổng (I+II+III+IV+V+VI)		196	163	33



Phụ lục XXI

PHƯƠNG ÁN THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Loại khoáng sản	Tổng số các khu vực thăm dò, khai thác	Tổng diện tích dự kiến (ha)
1	Đá xây dựng	91 ^(*)	3.009,21
2	Cát, sỏi	32	1.425,50
3	Đất san lấp	44	969,49
4	Sét làm gạch ngói	05	54,36
5	Cát kết	03	22,05
6	Antimon	01	9,00
7	Bauxit	06	98,58
8	Than bùn	01	19,00
9	Than nâu	01	490,00
10	Sắt	01	7,85

Ghi chú:

(*) Trong đó có 15 điểm mỏ thuộc thẩm quyền của các Bộ, ngành và 76 điểm mỏ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.

Trong quá trình thực hiện quy hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn rà soát, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy hoạch, quy định khác có liên quan; bảo đảm không chồng lấn với khu vực khoáng sản đã được cấp có thẩm quyền cấp phép; thực hiện điều chỉnh, bổ sung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh số lượng, ranh giới, quy mô, công suất, lộ trình khai thác, mục tiêu sử dụng (nếu cần) đảm bảo phù hợp với thực tiễn của địa phương và các quy định hiện hành./.



Phụ lục XXII

PHƯƠNG ÁN PHÂN VÙNG CHỨC NĂNG NGUỒN NƯỚC TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên sông, nguồn nước	Điểm đầu	Điểm cuối	Chức năng nguồn nước
I	Sông Kỳ Cùng			
1	Đoạn sông Kỳ Cùng 1: Thượng nguồn đến hồ Bản Lái	Thượng nguồn (Đình Lập)	Hồ Bản Lái (huyện Lộc Bình)	- Cấp nước cho sinh hoạt - Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp - Cấp nước cho sản xuất công nghiệp - Cấp nước cho thủy sản - Thủy điện
2	Đoạn sông Kỳ Cùng 2: từ sau hồ Bản Lái đến trước khi chảy vào thành phố Lạng Sơn	Sau hồ Bản Lái (huyện Lộc Bình)	Xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình	- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp - Thủy điện
3	Đoạn sông Kỳ Cùng 3: từ sau khi chảy vào thành phố Lạng Sơn đến trước khi chảy ra khỏi thành phố Lạng Sơn	Xã Khuất Xá, huyện Lộc Bình	Phường Chi Lãng, thành phố Lạng Sơn	- Cấp nước cho sinh hoạt - Cấp nước cho du lịch, dịch vụ - Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp - Cấp nước cho thủy sản
4	Đoạn sông Kỳ Cùng 4: từ sau khi chảy ra khỏi thành phố Lạng Sơn đến trước nhập lưu sông Mỏ Pia	Phường Chi Lãng, thành phố Lạng Sơn	Xã Điềm He, huyện Văn Quan	- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp - Thủy điện
5	Đoạn sông Kỳ Cùng 5: Sau nhập lưu sông Mỏ Pia đến trước nhập lưu sông Bắc Giang	Xã Điềm He, huyện Văn Quan	Xã Hùng Việt, huyện Tràng Định	- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp - Thủy điện
6	Đoạn sông Kỳ Cùng 6: Sau nhập lưu sông Bắc Giang đến biên giới VN - TQ	Xã Hùng Việt, huyện Tràng Định	xã Đào Viên, huyện Tràng Định	- Cấp nước cho sản xuất công nghiệp - Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp - Cấp nước cho thủy sản - Giao thông thủy - Thủy điện
II	Sông Bắc Giang			
1	Đoạn sông Bắc Giang, từ ranh giới 2 tỉnh Bắc Kạn, Lạng Sơn đến	Xã Kim Lư, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn	Xã Hùng Việt, huyện Tràng Định	- Cấp nước cho sinh hoạt - Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

TT	Tên sông, nguồn nước	Điểm đầu	Điểm cuối	Chức năng nguồn nước
	trước nhập lưu sông Kỳ Cùng			- Thủy điện
III	Sông Bắc Khê	Xã Đoàn Kết, huyện Tràng Định	Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp - Cấp nước cho sản xuất công nghiệp - Cấp nước cho thủy sản - Thủy điện
IV	Sông Thả Cao	Xã Thái Cường, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Chi Lăng, huyện Tràng Định	- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp
V	Sông Khuổi O	Xã Lê Lai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng	Xã Chi Lăng, huyện Tràng Định	- Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp



Phụ lục XXIII
DANH MỤC CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA QUY HOẠCH MỚI
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Công trình	Sông	Vị trí dự kiến	Dung tích hữu ích (10 ⁶ m ³)	Mục tiêu
Tiểu vùng Thượng Lục Nam					
1	Hồ chứa	Lục Nam	Sau nhập lưu suối Giao Biêng	4,3	Cung cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, tưới nông nghiệp
Tiểu vùng Thượng sông Thương					
2	Hồ chứa	Thương	Sau nhập lưu suối Cáp	6,4	Cung cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, tưới nông nghiệp
3	Hồ chứa	Trung	Sau nhập lưu suối Đồng Dưới	30	Cung cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, tưới nông nghiệp
Tiểu vùng Đông Cao Lộc					
4	Hồ chứa	Suối Pò Nhùng	Sau nhập lưu suối Khuổi Hiên	6,0	Cung cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, tưới nông nghiệp
5	Hồ chứa	Suối Cò Riền	Sau nhập lưu suối Khao Bậy	5,4	Cung cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, tưới nông nghiệp
Tiểu vùng Trung lưu Kỳ Cùng					
6	Hồ chứa	Sông Kỳ Cùng	Sau nhập lưu suối Phai Sản	4,4	Cung cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, tưới nông nghiệp



Phụ lục XXIV

**DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN ƯU TIÊN THỰC HIỆN CỦA
TỈNH LẠNG SƠN THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

*(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
A	DỰ ÁN ĐẦU TƯ CỦA TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH	
I	GIAO THÔNG	
1	Dự án tuyến cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng	Các huyện: Chi Lăng, Cao Lộc, Văn Lãng và TP Lạng Sơn
2	Dự án Nâng cấp đoạn Km18 - Km80, QL.4B	Các huyện: Đình Lập, Lộc Bình
3	Dự án cải tạo nâng cấp QL.3B đoạn Km0 - Km61 (Cửa khẩu Nà Nưa-Yên Lạc) địa phận tỉnh Lạng Sơn	Huyện Tràng Định
4	Dự án cải tạo nâng cấp QL.31 Hữu Sản - Bản Chát (đoạn Km100 - Km161)	Huyện Đình Lập
5	Dự án cải tạo, nâng cấp QL.4B (đoạn Km3+700 đến Km18)	Các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình
6	Tuyến tránh thị trấn Na Sầm, Cầu Na Sầm và đoạn tránh đèo Bó Củng trên QL.4A	Huyện Văn Lãng
7	Dự án đường tuần tra biên giới tỉnh Lạng Sơn/QK1	Các huyện: Tràng Định, Văn Lãng
8	Tuyến đường Cao tốc Đồng Đăng (Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (Cao Bằng)	Các huyện: Văn Lãng, Tràng Định
9	Đường tránh thị trấn Na Dương, đường tránh thị trấn Đình Lập	Các huyện: Lộc Bình, Đình Lập
10	Dự án cải tạo, nâng cấp tuyến QL.1B đoạn qua địa phận tỉnh Lạng Sơn	Các huyện: Cao Lộc, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn
II	HẠ TẦNG CẤP ĐIỆN	
1	Trạm biến áp 500kV Lạng Sơn	Huyện Đình Lập
2	Đường dây 500kV Lạng Sơn - Rẽ Bắc Bộ 3 - Thái Nguyên	Huyện Đình Lập
3	Nâng công suất Trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc
4	Trạm biến áp 220 kV Đồng Mô	Huyện Chi Lăng
5	Trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn 1	Huyện Đình Lập
6	Trạm biến áp 220 kV Lạng Sơn 2	Huyện Lộc Bình
7	Đường dây 220 kV Bắc Giang - Lạng Sơn	TP. Lạng Sơn, các huyện: Cao Lộc, Chi Lăng, Hữu Hưng
8	Đường dây 220 kV Đồng Mô - Rẽ Bắc Giang - Lạng Sơn	Huyện Chi Lăng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
9	Đường dây 220 kV Lạng Sơn 1 - Đồng Mỏ	Các huyện: Đình Lập, Lộc Bình, Chi Lăng
10	Đường dây 220 kV Lạng Sơn 2 – Lạng Sơn 500kV	Các huyện: Đình Lập, Lộc Bình
11	Đường dây 220 kV Bắc Giang 1 – Lạng Sơn 1	Huyện Đình Lập
12	Đường dây 220 kV Cao Bằng – Lạng Sơn	Các huyện: Cao Lộc, Văn Lãng, Tràng Định
13	Đường dây 220 kV Đồng Mỏ - Sơn Động	Huyện Chi Lăng
III	THỦY LỢI	
1	Hồ chứa nước Bản Lái	Các huyện: Đình Lập, Lộc Bình
2	Kè chống sạt lở bờ sông Kỳ Cùng	TP Lạng Sơn, huyện Lộc Bình
3	Kè chống sạt lở bờ sông Bắc Khê	Huyện Tràng Định
IV	VĂN HÓA – XÃ HỘI	
	Tôn tạo khu di tích khởi nghĩa Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn
B	DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA TỈNH	
I	GIAO THÔNG	
1	Đường giao thông kết nối QL.4B đến QL.18	Huyện Đình Lập
2	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối khu công nghiệp Hữu Lũng với QL.31 - Cảng Mỹ An (ĐT.245B)	Huyện Hữu Lũng
3	Mở rộng đường vận chuyển hàng hóa chuyên dụng tại khu vực mốc 1119 - 1120 cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị	Huyện Cao Lộc
4	Đường tránh ĐT.226 (đoạn qua thị trấn Bình Gia, Văn Mịch)	Huyện Bình Gia
5	Hạ tầng cơ bản phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiêu dự án tỉnh Lạng Sơn	Các huyện: Bình Gia, Văn Quan, Đình Lập
6	Dự án “Phát triển cơ sở hạ tầng xanh thích ứng với BĐKH cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số - tỉnh Lạng Sơn”	Các huyện: Hữu Lũng, Cao Lộc, Bắc Sơn và TP Lạng Sơn
7	Nâng cấp, cải tạo nâng cấp đường Bình Gia - Thất Khê (ĐT.226)	Các huyện: Bình Gia, Tràng Định
8	Đường Hoà Thắng - Phó Vị - Hoà Sơn - Hoà Lạc (ĐT.245)	Huyện Hữu Lũng
9	Đồng Bục - Hữu Kiên - Đồng Mỏ (ĐT.250)	Các huyện: Chi Lăng, Lộc Bình
10	Nâng cấp, cải tạo nâng cấp đường Na Sầm - Hung Đạo (ĐT.231)	Các huyện: Bình Gia, Văn Lãng
11	Đường nối từ xã Hữu Lễ, huyện Văn Quan đến xã Hữu Liên, huyện Hữu Lũng	Các huyện: Hữu Lũng, Văn Quan

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
12	Cải tạo, nâng cấp đường Cao Lộc - Ba Sơn (ĐH.28)	Huyện Cao Lộc
13	Nút giao cao tốc vào KCN Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng
14	Đường vào trung tâm xã Xuân Long, xã Tràng Các, huyện Cao Lộc, huyện Văn Quan	Các huyện: Cao Lộc, Văn Quan
15	Dự án Đường Tân Tri - Nghinh Tường (ĐH.77)	Huyện Bắc Sơn
16	Đường tránh thị trấn Na Dương, đường tránh thị trấn Đình Lập	Các huyện: Lộc Bình, Đình Lập
17	Đường tránh trung tâm thành phố Lạng Sơn, kết nối từ ĐT.234 đến QL.1	TP Lạng Sơn
18	Đường từ QL.1 đi Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, huyện Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng
19	Nâng cấp đường kết nối từ ĐT.245 với tuyến ĐT.289 và khu du lịch hồ Khuôn Thần, tỉnh Bắc Giang	Huyện Hữu Lũng
20	Nâng cấp đường tỉnh ĐT.242, huyện Hữu Lũng kết nối với huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang	Huyện Hữu Lũng
II	THỦY LỢI	
	Hệ thống trạm bơm điện Bàn Chúc, huyện Văn Lãng, Văn Quan	Các huyện: Văn Lãng, Văn Quan
III	KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ	
1	Dự án khu tái định cư và dân cư QL.4B	Các huyện Cao Lộc, Lộc Bình
2	Khu tái định cư, dân cư xã Hồ Sơn và xã Hòa Thắng	Huyện Hữu Lũng
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI	
1	Khu liên hợp thể thao tỉnh Lạng Sơn	TP Lạng Sơn
2	Bảo tồn, tôn tạo Khu di tích lịch sử Chi Lăng	Huyện Chi Lăng
V	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	
1	Xây dựng mới trường THPT tại các huyện Hữu Lũng, Cao Lộc, Lộc Bình, Văn Lãng, TP Lạng Sơn	Các huyện: Hữu Lũng, Cao Lộc, Lộc Bình, Văn Lãng và TP Lạng Sơn
2	Thành lập Cơ sở giáo dục Đại học trên cơ sở trường Cao đẳng sư phạm Lạng Sơn hiện tại	Tỉnh Lạng Sơn
3	Đầu tư xây dựng cơ sở mới trường Chính trị Hoàng Văn Thụ	TP. Lạng Sơn
VI	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	
	Trại thực nghiệm và các trang thiết bị kỹ thuật	TP Lạng Sơn
VII	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	
	Hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh	Tỉnh Lạng Sơn
VIII	QUỐC PHÒNG, AN NINH	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
1	Doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự thành phố	TP Lạng Sơn
2	Trụ sở Đội phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Đồng Đăng	TP Lạng Sơn
IX	CƠ QUAN, TRỤ SỞ	
	Xây dựng Trung tâm hành chính tỉnh Lạng Sơn	TP Lạng Sơn
X	MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI, BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU	
1	Dự án "Phát triển cơ sở hạ tầng thích ứng với BĐKH để hỗ trợ sản xuất cho đồng bào dân tộc các tỉnh miền núi, trung du phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn" sử dụng vốn vay Nhật Bản	Các huyện: Chi Lăng, Bình Gia, Đình Lập, Văn Quan.
2	Dự án "Nâng cao năng lực thích ứng BĐKH cho hạ tầng, cải thiện môi trường phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh Lạng Sơn" sử dụng vốn vay của AFD	Các huyện: Văn Quan, Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Lãng, Tràng Định, Lộc Bình và TP Lạng Sơn
XI	DỰ ÁN PPP	
1	Dự án cầu Lộc Bình số 1, Đường giao thông và Khu tái định cư xã Lục Thôn, huyện Lộc Bình	Huyện Lộc Bình
2	Khu tái định cư và dân cư Nam Nguyễn Đình Chiểu	TP Lạng Sơn
3	Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội khu tái định cư và dân cư nông thôn xã Hữu Khánh	Huyện Lộc Bình
C	DANH MỤC DỰ ÁN THU HÚT ĐẦU TƯ	
I	GIAO THÔNG	
1	Dự án Cảng cạn Tân Thanh	Huyện Văn Lãng
2	Cảng cạn Yên Trạch	Huyện Cao Lộc
3	Trạm dừng nghỉ Cao Lộc	Huyện Cao Lộc
4	Trạm dừng nghỉ Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng
II	KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT	
1	KCN VSIP Lạng Sơn	Huyện Hữu Lũng
2	KCN Đồng Bành	Huyện Chi Lăng
3	KCN Hòa Lạc	Huyện Hữu Lũng
4	KCN Hữu Lũng 2	Huyện Hữu Lũng
5	KCN Hữu Lũng 3	Huyện Hữu Lũng
6	KCN Hữu Lũng 4	Huyện Hữu Lũng
7	KCN Na Dương	Huyện Lộc Bình
8	Khu chế xuất 1 thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc
9	Khu phi thuế quan thuộc Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	TP Lạng Sơn, các huyện: Cao Lộc, Văn Lãng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
III	CỤM CÔNG NGHIỆP	
1	CCN Quảng Lạc	TP Lạng Sơn
2	CCN Hợp Thành 1	Huyện Cao Lộc
3	CCN Hợp Thành 2	Huyện Cao Lộc
4	CCN Hồ Sơn 1	Huyện Hữu Lũng
5	CCN Hồ Sơn 2	Huyện Hữu Lũng
6	CCN Hòa Sơn 1	Huyện Hữu Lũng
7	CCN Hòa Sơn 3	Huyện Hữu Lũng
8	CCN Minh Sơn	Huyện Hữu Lũng
9	CCN Tân Thành 3	Huyện Hữu Lũng
10	CCN phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng
11	CCN Chi Lăng	Huyện Chi Lăng
12	CCN Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng
13	CCN Na Dương 1	Huyện Lộc Bình
14	CCN Na Dương 2	Huyện Lộc Bình
15	CCN Na Dương 3	Huyện Lộc Bình
16	CCN Lộc Bình 1 (giai đoạn 1)	Huyện Lộc Bình
17	CCN Đình Lập	Huyện Đình Lập
18	CCN Bắc Lãng	Huyện Đình Lập
19	CCN Văn Lãng	Huyện Văn Lãng
20	CCN Văn Lãng 2	Huyện Văn Lãng
21	CCN Bắc Sơn 2	Huyện Bắc Sơn
22	CCN số 1 Kháng Chiến	Huyện Tràng Định
23	CCN Tân Văn	Huyện Bình Gia
IV	ĐIỆN - NĂNG LƯỢNG	
1	Nhà máy điện gió Cao Lộc	Các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình
2	Nhà máy điện gió Bình Gia	Các huyện: Bình Gia, Văn Lãng
3	Nhà máy điện gió Đình Lập	Huyện Đình Lập
4	Nhà máy điện gió Văn Quan	Các huyện: Văn Quan, Cao Lộc
5	Nhà máy điện gió Đình Lập 5	Các huyện: Đình Lập, Lộc Bình
6	Nhà máy điện gió Đình Lập 1	Huyện Đình Lập
7	Nhà máy điện gió Đình Lập 1.1	Huyện Đình Lập

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
8	Nhà máy điện gió Chi Lăng	Các huyện: Chi Lăng, Lộc Bình
9	Nhà máy điện gió Lộc Bình	Các huyện: Lộc Bình, Chi Lăng
10	Nhà máy điện gió Văn Quan 1	Huyện Văn Quan
11	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1	Huyện Cao Lộc
12	Nhà máy điện gió Cao Lộc 1.1	Huyện Cao Lộc
13	Nhà máy điện gió Đình Lập 4	Huyện Đình Lập
14	Nhà máy điện gió Hữu Kiên	Huyện Chi Lăng
15	Nhà máy điện gió Lộc Bình 1	Huyện Lộc Bình
16	Nhà máy điện gió Thăng Long 3	Huyện Chi Lăng
17	Nhà máy điện gió Mẫu Sơn	Các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình
18	Nhà máy điện gió Văn Lãng 1	Huyện Văn Lãng
19	Nhà máy điện gió Lộc Bình 3	Huyện Lộc Bình
20	Nhà máy điện gió Ái Quốc	Huyện Lộc Bình
21	Nhà máy điện gió Cao Lộc 3	Huyện Cao Lộc
22	Nhà máy điện gió Phabaco - Lộc Bình	Các huyện: Cao Lộc, Lộc Bình
23	Thủy điện Bản Nhùng (Kỳ Cùng 6)	Các huyện: Văn Quan, Văn Lãng
24	Thủy điện Tràng Định 2	Huyện Tràng Định
25	Thủy điện Bắc Giang (Vàng Puộc)	Huyện Bình Gia
26	Thủy điện Đèo Khách (Tân Việt)	Huyện Văn Lãng
27	Nhiệt điện Na Dương 2	Huyện Lộc Bình
28	Điện sinh khối Lạng Sơn	Huyện Lộc Bình
29	Điện sinh khối Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn
V	THƯƠNG MẠI - DU LỊCH - DỊCH VỤ	
1	Quần thể khu du lịch sinh thái, cáp treo Mẫu Sơn	Các huyện: Lộc Bình, Cao Lộc
2	Khu trung tâm du lịch phía Tây Mẫu Sơn	Các huyện: Lộc Bình, Cao Lộc
3	Khu du lịch sinh thái và khu dân cư mới tại xã Hữu Liên, xã Yên Thịnh	Huyện Hữu Lũng
4	Khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng hồ Khuổi In	Huyện Đình Lập
5	Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Emer Hill	TP Lạng Sơn
6	Dự án Khách sạn - sân golf Hoàng Đồng	TP Lạng Sơn
7	Khu tổ hợp dịch vụ, sân golf, du lịch sinh thái, nghỉ	TP Lạng Sơn và huyện

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
	dưỡng và đô thị	Cao Lộc
8	Khu trung chuyển hàng hóa	Huyện Cao Lộc
9	Sân gôn chân núi Mẫu Sơn	Huyện Lộc Bình
10	Sân gôn Hữu Lũng 1	Huyện Hữu Lũng
11	Sân gôn Quảng Lạc	TP Lạng Sơn và huyện Cao Lộc
12	Sân gôn Chi Lăng	Huyện Chi Lăng
VI	Y TẾ	
1	Bệnh viện đa khoa tư nhân	TP Lạng Sơn
2	Bệnh viện đa khoa Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng
VII	KHU ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ	
1	Khu đô thị sinh thái Nà Chuông - Bình Cầm	TP Lạng Sơn
2	Khu đô thị mới Mai Pha	TP Lạng Sơn
3	Khu đô thị mới nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí Mai Pha - Yên Trạch	Huyện Cao Lộc, TP Lạng Sơn
4	Khu đô thị phía Đông, thị trấn Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng
5	Khu đô thị phía Đông Nam thị trấn Đồng Mỏ	Huyện Chi Lăng
6	Khu Đô thị Hoàng Đồng	TP Lạng Sơn
7	Khu dân cư khối III thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc	Huyện Cao Lộc
8	Khu đô thị mới Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng
9	Khu đô thị sinh thái và dịch vụ điểm đến chân núi Mẫu Sơn	Huyện Lộc Bình
10	Khu hành chính - đô thị thị trấn Đồng Đăng	Huyện Cao Lộc
11	Khu đô thị sinh thái Yên Trạch, huyện Cao Lộc	Huyện Cao Lộc
12	Khu đô thị sinh thái Sông Thương	Huyện Hữu Lũng
13	Khu đô thị Green Garden	TP Lạng Sơn và huyện Cao Lộc
14	Khu đô thị Mỹ Sơn	TP Lạng Sơn và huyện Cao Lộc
15	Khu dân cư Hồ Sơn 1	Huyện Hữu Lũng
16	Khu dân cư Hồ Sơn 3	Huyện Hữu Lũng
17	Khu dân cư mới tại thôn Na Hoa, xã Sơn Hà	Huyện Hữu Lũng
18	Khu dân cư Phía Nam, thị trấn Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng
19	Khu dân cư mới xã Sơn Hà	Huyện Hữu Lũng
20	Khu đô thị mới Đông Kinh	TP Lạng Sơn
21	Dự án Khu đô thị sinh thái ven sông Kỳ Cùng, thị trấn Lộc Bình	Huyện Lộc Bình

TT	Danh mục dự án	Địa điểm dự kiến
22	Khu dân cư Nà Nghiều, xã Đại Đồng	Huyện Tràng Định
VIII	NGHĨA TRANG	
1	Công viên nghĩa trang	Huyện Cao Lộc
2	Nghĩa trang tập trung	Huyện Chi Lăng
3	Nghĩa trang tập trung	Huyện Hữu Lũng
4	Nghĩa trang tập trung	Huyện Lộc Bình
IX	CẤP NƯỚC	
1	Nhà máy nước Lawaco	Huyện Hữu Lũng
2	Dự án cấp nước từ Hồ Bản Lái	Huyện Lộc Bình

Ghi chú:

1. Đối với các dự án đã phê duyệt chủ trương đầu tư, đã quyết định đầu tư và các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án (nếu có): Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn rà soát, cam kết không hợp thức hóa các sai phạm và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước Thủ tướng Chính phủ về quá trình lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư dự án.

Đối với các dự án đang xử lý theo các kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, thi hành bản án: Chỉ được triển khai sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo kết luận thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán, bản án và được cấp có thẩm quyền chấp thuận, bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành.

2. Việc đầu tư các dự án hạ tầng cấp điện (mục A, phần II) và điện - năng lượng (mục C, phần IV) phải căn cứ Quy hoạch và kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII và các quy hoạch liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Tên, quy mô và phạm vi ranh giới các dự án sẽ được xác định chính xác trong quá trình lập quy hoạch xây dựng và lập dự án đầu tư.

4. Các công trình, dự án đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đầu tư trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quy hoạch cấp quốc gia và Quy hoạch vùng được phê duyệt./.



Phụ lục XXV

**DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỈNH LẠNG SƠN
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050**

(Kèm theo Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2024
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên bản đồ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ phương án quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
2	Sơ đồ phương án tổ chức không gian và phân vùng chức năng tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
3	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
4	Sơ đồ phương án phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
5	Sơ đồ phương án phân bổ và khoanh vùng các chỉ tiêu sử dụng đất tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
6	Sơ đồ phương án thăm dò, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
7	Sơ đồ phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000
8	Sơ đồ phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	1:100.000